TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 159/2019/KDTM-ST
Ngày: 30/9/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN M – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Mỹ Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Linh Chi

- Thư ký phiên toà: Bà Bế Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân Quận M.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M tham gia phiên toà: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 97/2018/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3236/2019/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3835/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH G
Địa chỉ: số 155 đường H, Phường S, Quận B, Thành phố H.
Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Quang Th, sinh năm 1973
Địa chỉ: số 25 đường T, Phường S, quận B, Thành phố H.
(Giấy ủy quyền số 01/GUQ-GT ngày 26/6/2018).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S
Địa chỉ: số 52 đường D, phường, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đăng Thanh H, sinh năm 1983
Địa chỉ: số 67 đường C, Phường B, Thành phố B, tỉnh B.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đại diện bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty TNHH G có ông Phạm Quang Th là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngày 21/3/2018, Công ty TNHH G (sau đây gọi là Công ty G) có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S (sau đây gọi là Công ty S) để cung cấp vé máy bay cho Công ty S.

Theo hợp đồng, Công ty G cung cấp cho Công ty S 52 vé máy bay tuyến Thành phố H – Seoul – Thành phố H, thời gian chuyến bay ngày 25/4/2018 và ngày 29/4/2018, giá trị hợp đồng là 585.118.875 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã thanh toán cho Công ty G số tiền là 100.000.000 đồng vào ngày 24/4/2018. Công ty G đã cung cấp 52 vé máy bay cho Công ty S theo hợp đồng đã ký. Công ty S cam kết sẽ thanh toán số tiền còn lại là 485.118.875 đồng chậm nhất vào ngày 05/5/2018. Tuy nhiên đến nay Công ty S không thanh toán mặc dù Công ty G đã nhiều lần yêu cầu.

Ngày 17/10/2018, Công ty S có Giấy xác nhận công nợ xác định còn nợ Công ty G số tiền 485.118.875 đồng và cam kết sẽ thanh toán vào ngày 01/11/2018. Tuy nhiên Công ty S vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nguyên đơn Công ty G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty G số tiền còn nợ theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT ngày 21/3/2018 là 485.118.875 (bốn trăm tám mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

Phương thức thanh toán: Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập; Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S và người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đăng Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận M phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Công ty TNHH G (sau đây gọi là Công ty G) có ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S (sau đây gọi là Công ty S) với nội dung Công ty G cung cấp cho Công ty S 52 vé máy bay tuyến Thành phố H – Seoul – Thành phố H, thời gian chuyến bay ngày 25/4/2018 và ngày 29/4/2018, giá trị hợp đồng là 585.118.875 đồng, Công ty S đã thanh toán được 100.000.000 đồng. Ngày 17/10/2018, Công ty S có Giấy xác nhận công nợ xác định còn nợ Công ty G số tiền 485.118.875 đồng. Như vậy Công ty S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký.

Công ty G khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty S có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ còn lại là 485.118.875 đồng là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dịch vụ, phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S có địa chỉ trụ sở tại Quận M. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận M, Thành phố H.

Nguyên đơn Công ty TNHH G có người đại diện hợp pháp là ông Phạm Quang Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT ngày 21/3/2018 là 485.118.875 (bốn trăm tám mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty TNHH G (sau đây gọi là Công ty G) và Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S (sau đây gọi là Công ty S) có xác lập Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT ngày 21/3/2018 với nội dung: Công ty G cung cấp vé máy bay cho Công ty S tuyến Thành phố H – Seoul – Thành phố H, giá trị hợp đồng: 619.698.750 đồng, giá bao gồm vé máy bay và các loại thuế sân bay quốc tế. Hợp đồng được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng nên hợp đồng có giá trị pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

Thực hiện hợp đồng, Công ty G đã cung cấp cho Công ty S số lượng 52 vé máy bay do Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) phát hành gồm: Chuyến bay số hiệu VN 0408, chặng bay Thành phố H – Seoul Incheon INT (Hàn Quốc), thời gian chuyến bay 23:55 phút ngày 25/4/2018 và Chuyến bay số hiệu VN 0407, chặng bay Seoul Incheon INT – Thành phố H, thời gian chuyến bay 23:55 phút ngày 29/4/2018, với giá trị hợp đồng thực tế là 585.118.875 đồng. Tổng Công ty Hàng không Việt Nam có công văn số 171/TCTHK-ANHK cung cấp thông tin cho Tòa án nhân dân Quận M với nội dung xác định số lượng 52 vé máy bay chặng bay Thành phố H – Seoul Incheon INT (Hàn Quốc) – Thành phố H ngày 25/4/2018 và ngày 29/4/2018 do Tổng Công ty Hàng không Việt Nam phát hành và Công ty G là đơn vị mua vé và thanh toán tiền cho Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.

Như vậy, Công ty G đã thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 24/4/2018, Công ty S đã thanh toán cho Công ty G một phần hợp đồng với số tiền là 100.000.000 đồng. Ngày 17/10/2018, Công ty S có Giấy xác nhận công nợ xác định còn nợ Công ty G số tiền 485.118.875 đồng và cam kết sẽ thanh toán vào ngày 01/11/2018. Tuy nhiên đến nay Công ty S vẫn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng hai bên đã giao kết.

Như vậy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty G buộc bị đơn Công ty S phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT ngày 21/3/2018 là 485.118.875 (bốn trăm tám mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 4, Điều 5 của Hợp đồng hai bên đã giao kết và quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty S phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 23.404.755 đồng tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn Công ty G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.702.378 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 85 của Luật Thương mại năm 2005;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH G:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G số tiền còn nợ từ Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 0010.18/GT ngày 21/3/2018 là 485.118.875 (bốn trăm tám mươi lăm triệu, một trăm mười tám nghìn, tám trăm bảy mươi lăm) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ S phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 23.404.755 (hai mươi ba triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn, bảy trăm năm mươi lăm) đồng.

Công ty TNHH G không phải chịu án phí kinh doanh thương mại, hoàn lại cho Công ty TNHH G tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.702.378 (mười một triệu, bảy trăm lẻ hai nghìn, ba trăm bảy mươi tám) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023289 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận M;
- Chi cục THADS Quận M;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Đỗ Nguyễn Mai Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**